**Trả lời các câu hỏi sau về thuốc hormon:**

16.20. Chỉ định chung của thuốc androgenic:

 A. Thiểu năng sinh dục nam, bao gồm mất tinh hoàn.

 B………….

 C………….

16.21. Hoàn thiện công thức levothyroxin natri bằng các nhóm thế R:

 R1 =

 R2 =

16.22. Thuốc tránh thai dùng phổ biến gồm các loại:

 A. Phối hợp thuốc progestogen với estrogen tỷ lệ cố định.

 B………….

 C…….……

16.23. Clomiphen citrat dược dụng là hỗn hợp 2 đồng phân……..A…..…Bột kết tinh màu………B………Dễ tan trong methanol; tan vừa trong nước, ethanol.

 A = B =

16.24. Thêm các nhóm thế R để hoàn thiện công thức repaglinid, thuốc chống đái tháo đường typ II:

 R1 =

 R2 =

16.25. Progesteron ở dạng……...A..…..màu vàng sáng;…..…B…….khi tiếp xúc với ánh sáng, không khí. Tan trong ethanol; dầu béo; khó tan trong nước.

 A = B =

16.26. Tác dụng phụ có thể gặp khi uống methimazol trị cường giáp:

 A. Người bệnh không chịu thuốc: Nôn, da nổi mề đay, loét miệng…

 B………….

 C………….

16.27. Hoàn thiện công thức clomiphen base bằng các nhóm thế R:

 R1 =

 R2 =

16.28. Cyproteron acetat tác dụng chống cường………A………Bột màu trắng. Dễ tan trong……..B………; không tan trong nước; tan vừa trong ethanol.

 A = B =

16.29. Tác dụng phụ chung của thuốc estrogen:

 A. Giữ nước gây phù; tăng mức calci /máu.

 B…………..

 C………......

16.30. Hoàn thiện công thức thiamazol bằng X và nhóm thê R:

 X =

 R =

16.31. Bột methimazol màu trắng - nâu nhạt; tính………A……..Dễ tan trong nước, tan trong……….B………Hoạt tính chống cường giáp.

 A = B =

16.32. Tác dụng phụ của thuốc chống đái tháo đường sulfonylurê thế hệ I:

 A…………

 B…………

 C. Người uống có thể bị kích ứng đường tiêu hóa, mệt mỏi.